

jué	de	rèn	wéi								
觉得、	认为										
jué	de	rèn	wéi								
觉得、	认为										

xiāng	xìn	xī	wàng								
相信、	希望										
xiāng	xìn	xī	wàng								
相信、	希望										

bǐ	rú	shuō	děng	děng							
比如	说、	等等									
bǐ	rú	shuō	děng	děng							
比如	说、	等等									

hái	yǒu	chú	cǐ	zhī	wài						
还有、	除此	之外									
hái	yǒu	chú	cǐ	zhī	wài						
还有、	除此	之外									

duì	wǒ	lái	shuō	zǒng	de	lái	shuō				
对我	来说、	总的	来说								
duì	wǒ	lái	shuō	zǒng	de	lái	shuō				
对我	来说、	总的	来说								